

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Honda Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: -
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): JK123 LEAD
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 10190/VAQ06 - 01/24 - 00
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6761/NETC-M/24/C ngày: 15-05-2024

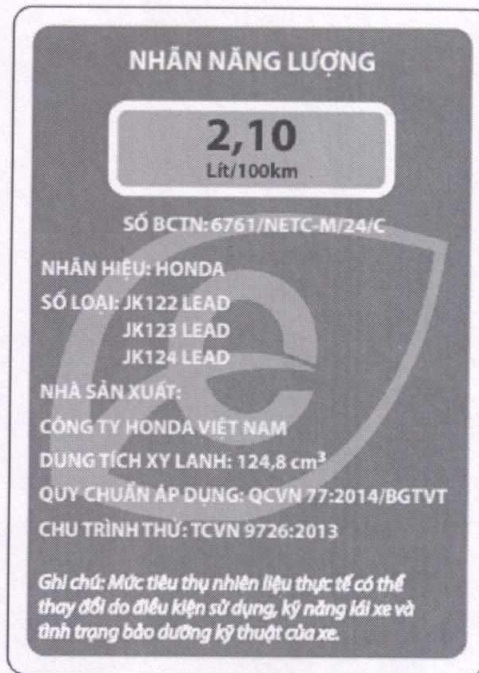
2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 114 kg
 - 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 264 kg
 - 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: HONDA JK41E. Loại động cơ: Xăng 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 124.8 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 8.22/8500 kW/rpm
 - 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa-khí/ phun nhiên liệu/ khác: ...⁽¹⁾
 - 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ-khí/Tự động ⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: -
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: -
 - 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 8,974
 - 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/90 – 12M/C 44J áp suất lốp: 175 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 100/90 – 10M/C 56J áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 93 km/h
- ### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu
- 3.1. Chu trình thử: TCVN 9726:2013
 - 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,10 l/100 km



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50 x 70 mm



5. Ghi chú (nếu có):

.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Cơ sở sản xuất/ nhập khẩu

(Ký tên, đóng dấu)



ĐÀO VIỆT CƯỜNG

TRƯỞNG KHỐI
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm